

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 -2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, chia
tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Phục

2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Danh Thị Q, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp HP, xã HA, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: khóm 3, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HP, xã HA, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: 169, Phố Linh Đường, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Phòng Giao dịch thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phụng Hiệp.

Địa chỉ liên hệ: ấp M, thị trấn C, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang ngày 26/9/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Chồng không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên cự cãi và có hành vi bạo lực gia đình. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không còn hòa hợp và hạnh phúc như trước nên anh, chị quyết định ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh, chị đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng tất cả đều không thành. Nay bản thân nguyên đơn nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung:

1/ Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011

2/ Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013

3/ Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015

Hiện các cháu đang sống chung với chị Q và chị Q yêu cầu tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia các tài sản sau:

1/ Căn nhà cấp 4 ngang 5,9m, dài 12m có diện tích 93m² tọa lạc tại ấp HP, xã HA, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xây dựng năm 2021 trị giá khoảng 130.000.000 đồng.

2/ 01 xe Yamaha, số loại Exciter trị giá 28.000.000 đồng

3/ 01 bộ bàn ghế gỗ + tủ trị giá 15.500.000 đồng

4/ 01 tủ áo trị giá 4.900.000 đồng

5/ 01 dàn thùng loa trị giá 4.000.000 đồng

6/ 01 xuống mũ + máy trị giá 5.000.000 đồng

7/ 10 cái lú đặt trị giá 3.100.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là 190.500.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu chia đôi tài sản và nhận giá trị tài sản là 95.250.000 đồng.

Quá trình giải quyết, chị Q rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phụng Hiệp là 50.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu chia đôi số nợ trên với bị đơn. Quá trình giải quyết chị Q thay đổi yêu cầu và anh Đ phải trả toàn bộ số nợ trên. Tại phiên tòa, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt nhưng có lời trình bày: Anh và chị Q có qua tìm hiểu và tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, anh đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị Q vẫn cương quyết bỏ về gia đình mẹ ruột từ tháng 10/2021. Nay chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất quá trình cùng sống có 03 con chung:

1/ Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011

2/ Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013

3/ Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015

Hiện 03 con đang sống chung với chị Q và anh Đ đồng ý giao 03 cháu cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng anh Đ chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh thống nhất có các tài sản chung như chị Q yêu cầu,

nhưng anh không đồng ý chia mà để lại cho các con.

Về nợ chung: Vào năm 2020, chị Q và anh Đ có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang số tiền là 50.000.000 đồng, anh Đ yêu cầu chia đôi số nợ này.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp trình bày: Vào ngày 18/6/2022, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp có giải ngân cho bà Danh Thị Q và ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ vay cuối cùng là ngày 13/6/2025. Quá trình vay thì bà Q và ông Đ thực hiện tốt nghĩa vụ trả lãi. Nay bà Danh Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ có yêu cầu ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q, anh Đ phải trả số nợ trên và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/9/2022, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp có đơn xin rút yêu cầu độc lập và không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013, Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015 cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn chưa cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn, thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án, bị đơn Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại ấp HP, xã HA, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Q và anh Đ bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không còn hòa hợp và đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Chị Q và anh Đ đã nhiều lần hàn gắn nhưng không giải quyết được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tạo điều kiện cho chị Q và anh Đ có cơ hội hàn gắn nhưng chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: chị Q và anh Đ thống nhất có 03 con chung là: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013, Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015. Chị Q có yêu cầu trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng các cháu. Anh Đ cũng đồng ý cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Đồng thời, hiện nay cả 03 cháu đều đang sống chung với chị Q và các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Q nên cần ổn định cuộc sống cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Q, anh Đ và các cháu. Giao các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013, Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Danh Thị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Dành Q tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Đ không ai có Q ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Theo nội dung khởi kiện chị Danh Thị Q có yêu cầu chia tài sản chung và có đơn yêu cầu xem xét thẩm định và định giá tài sản. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp có Thông báo số 05/TB-TA ngày 17/6/2022 về yêu cầu của chị Danh Thị Q nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng trong thời hạn 15 ngày. Hết thời hạn quy định nhưng chị Danh Thị Q không nộp tạm ứng chi phí tố tụng cho Tòa án. Tại Biên bản hòa giải ngày 12/8/2022 và tại phiên tòa hôm nay, chị Danh Thị Q đề nghị được rút lại yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của chị Danh Thị Q.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết chị Danh Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp số tiền là 50.000.000 đồng. Chị Q và anh Đ yêu cầu chia số nợ trên. Sau đó, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Q và Đ phải trả số nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Quá trình giải quyết chị Danh Thị Q thay đổi nội dung khởi kiện và yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả toàn bộ số nợ trên. Tại phiên tòa chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Đồng thời, ngày 26/9/2022, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp có đơn xin rút yêu cầu độc lập và không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, trường hợp có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp đối với chị

Danh Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ. Đương sự có Q khởi kiện ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được Q kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Danh Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/01/2013 và Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh ngày 24/4/2015 cho chị Danh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành Q tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Đ không ai có Q ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết với yêu cầu chia tài sản chung của chị Danh Thị Q. Đương sự có Q khởi kiện ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Phụng Hiệp đối với chị Danh Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ. Đương sự có Q khởi kiện ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Danh Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 2.381.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0008115 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chi Danh Thị Q được nhận lại số tiền 2.031.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng)

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Tuấn Khanh